

Bản án số: **51/2024/HNGĐ-ST**  
Ngày: 02-5-2024  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang.*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiếu.*

*2. Ông Hồ Phi Công.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hạ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Đức - Kiểm sát viên.*

Ngày 02 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị Hồng N, sinh năm 1985. (*vắng mặt*)

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Đinh Tấn L, sinh năm 1987. (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trương Thị Hồng N trình bày:

Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu chị và anh Đinh Tấn L sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2018, tại xã Ủ nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Đây là kết hôn lần thứ hai của hai anh chị. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, anh Đinh Tấn L đi làm nhưng không phụ giúp chị mà hay cờ bạc dẫn tới nợ nần, kinh tế khó khăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị không còn tình cảm với anh Đinh Tấn L, không thể hàn gắn để tiếp tục sống chung nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Tấn L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh [Đinh Tấn L](#) trình bày:* Anh và chị [Trương Thị Hồng N](#) tự nguyện sống chung, đăng ký kết hôn năm 2018. Cuộc sống vợ chồng vẫn bình thường cho tới khi chị [Trương Thị Hồng N](#) về quê của chị và sau khi vào lại thì thay đổi. Anh còn yêu thương chị [Trương Thị Hồng N](#) nên không đồng ý ly hôn với chị [N](#).

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị [Trương Thị Hồng N](#) được ly hôn với anh [Đinh Tấn L](#); về con chung: Không có nên không giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị [Trương Thị Hồng N](#) yêu cầu ly hôn với anh [Đinh Tấn L](#) nên xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”; anh [Đinh Tấn L](#) có nơi cư trú tại [ấp C, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#). Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị [Trương Thị Hồng N](#) có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt; anh [Đinh Tấn L](#) đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị [Trương Thị Hồng N](#) và anh [Đinh Tấn L](#) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Trương Thị Hồng N](#) và anh [Đinh Tấn L](#) tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được [Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai](#) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào 2018, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Chị [Trương Thị Hồng N](#) yêu cầu được ly hôn với anh [Đinh Tấn L](#) vì cho rằng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau; anh [Đinh Tấn L](#) không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng còn yêu thương chị [Trương Thị Hồng N](#). Tuy nhiên, quá trình Tòa án hòa giải công khai chứng cứ, anh [Đinh Tấn L](#) tự ý bỏ về, không có thiện

chí hòa giải. Chứng tỏ, tình trạng hôn nhân của chị [Trương Thị Hồng N](#) và anh [Đình Tấn L](#) mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị [Trương Thị Hồng N](#) là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Chị [Trương Thị Hồng N](#) và anh [Đình Tấn L](#) không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị [Trương Thị Hồng N](#) và anh [Đình Tấn L](#) khai không có nên Tòa án không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị [Trương Thị Hồng N](#) và anh [Đình Tấn L](#) khai không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị [Trương Thị Hồng N](#) phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[8] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị [Trương Thị Hồng N](#) được ly hôn với anh [Đình Tấn L](#).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị [Trương Thị Hồng N](#) phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí chị [Trương Thị Hồng N](#) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0010803 ngày 07/3/2024 được tính trừ vào án phí. Chị [Trương Thị Hồng N](#) đã nộp đủ án phí.

Chị [Trương Thị Hồng N](#), anh [Đình Tấn L](#) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Trang**